

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT03011: THỰC HÀNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ENVIRONMENTAL IMPACT ASSESSMENT: PRACTICE)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: **6**
- Tín chỉ: **01 (Lý thuyết 0 – Thực hành 01 – Tự học 03)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Thực hành phòng thí nghiệm: **7,5 tiết**
 - + Làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình: **7,5 tiết**
- Giờ tự học: **45 tiết**
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: **Công nghệ môi trường**
 - Khoa: **Tài nguyên và Môi trường**
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Học phần tiên quyết: **MT03004: Đánh giá tác động môi trường**
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về quy trình thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư theo quy định
- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực chủ động học tập, cập nhật kiến thức, hình thành quan điểm trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.

Kiến thức chuyên môn	CĐR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CĐR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CĐR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CĐR5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CĐR6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CĐR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng hiệu quả.
	CĐR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CĐR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CĐR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CĐR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT											
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
MT 03011	Thực hành đánh giá tác động môi trường							R	R		R	R	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kỹ năng		
K1	Thành thạo xây dựng khung pháp lý và kỹ thuật trong xác định nhu cầu và phạm vi lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	CĐR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
K2	Thành thạo sử dụng chỉ số tác động tổng hợp trong thu thập thông tin cần thiết đánh giá hiện trạng môi trường	CDR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
K3	Thực hiện đề cương báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	CDR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
K4	Thành thạo các phương pháp/phần mềm công nghệ thông tin trong phân tích tác động, dự báo phát thải	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng hiệu quả. CDR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
K5	Thực hiện đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động theo định hướng phát triển bền vững	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng hiệu quả. CDR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
K6	Thực hiện thảo luận nhóm và thuyết trình báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng hiệu quả. CDR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K7	Chủ động học tập và cập nhật hoàn thiện kiến thức trong đánh giá tác động môi trường phục vụ phát triển bền vững	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT03011. Thực hành đánh giá tác động môi trường (Environmental Impact Assessment: Practices). (1TC: 0 – 1 – 3; 45).

Mô tả vắn tắt nội dung:

Học phần bao gồm các nội dung về quy trình thực hiện xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường: Lược duyệt; Xác định phạm vi, mức độ và đối tượng tác động; Thu thập thông tin phục vụ đánh giá tác động; Dự báo tác động môi trường; Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát tác động để xây dựng báo cáo Đánh giá tác động môi trường.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Hướng dẫn trực tiếp sinh viên các nội dung thực hành.

- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, thảo luận/thảo luận theo nhóm (E – learning: tìm tài liệu, nghiên cứu tài liệu, hướng dẫn học)

2. Phương pháp học tập

- Tự học: nghiên cứu tài liệu theo tài liệu yêu cầu đọc của giảng viên thông qua hệ thống E – learning
- Thực hành các kỹ năng đánh giá tác động môi trường (cá nhân hoặc theo nhóm)
- Thảo luận nhóm, trao đổi với giáo viên về thực nghiệm tại lớp học và e – learning.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải có mặt đầy đủ trong các buổi học, tham gia trực tiếp vào quá trình thực tập.
- Chuẩn bị: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải nắm vững kiến thức lý thuyết, đọc tài liệu hướng dẫn thực tập trước khi đến lớp. Chuẩn bị các học liệu theo yêu cầu của giáo viên giảng dạy. Tham gia trao đổi, thảo luận và làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên và/hoặc thông qua e – learning.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thực hiện 4 phương pháp sử dụng trong ĐTM thông qua bài tập thực hành

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric.

- Rubric 1 – Thảo luận và sản phẩm cá nhân: 40%
- Rubric 2 – Kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

Các KQHTMD của HP	Thảo luận và sản phẩm cá nhân (40%)	Kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn (60%)
K1	x	x
K2	x	x
K3		x
K4		x
K5	x	x
K6		x
K7	x	

Các rubric đánh giá:

Rubric 1. Thảo luận và sản phẩm cá nhân

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6.5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thời gian thảo luận	10	Tham gia đầy đủ, thực hiện đúng phân công	Tham gia chưa đầy đủ theo phân công	Tham gia không theo phân công	Không tham gia
Thái độ thảo luận	10	Luôn chú ý, thường xuyên chủ động tham gia	Chú ý, chủ động tham gia,	Chú ý, tham gia khi được yêu cầu	Không chú ý
Chất lượng thảo luận	20	Nội dung rõ ràng, logic, phù hợp với chủ đề câu hỏi, có tính liên hệ và vận dụng	Nội dung rõ ràng, logic, phù hợp với câu hỏi, cung cấp 1 liên hệ/ứng dụng hoặc ví dụ phù hợp	Nội dung rõ ràng, có liên quan đến chủ đề câu hỏi, không đưa ra được ví dụ hoặc liên hệ ứng dụng	Nội dung thảo luận không đầy đủ hoặc không liên hệ với chủ đề câu hỏi
Nhật ký thực tập	60	Thực hiện đầy đủ các nội dung được yêu cầu; hiểu rõ nguyên lý, nguyên tắc đã áp dụng; vận dụng linh hoạt trong dự án cụ thể	Thực hiện đầy đủ các nội dung được yêu cầu; hiểu nguyên lý, nguyên tắc đã áp dụng; vận dụng được trong dự án cụ thể	Thực hiện hầu hết các nội dung được yêu cầu; nắm được nguyên tắc đã áp dụng; vận dụng trong thực tế còn cứng nhắc hoặc chưa vận dụng được	Không thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu; chưa hiểu nguyên lý, nguyên tắc, không vận dụng được trong dự án cụ thể

Rubric 2. Kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6.5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thái độ làm việc nhóm ¹	20	Luôn chú ý, chủ động làm việc theo nhóm	Chú ý, tích cực tham gia hoạt động nhóm,	Chỉ tham gia khi được yêu cầu	Không chú ý, không tham gia, gây mâu thuẫn trong nhóm
Xác định căn cứ pháp lý	10	Thông tin chính xác, khoa học, phù hợp với đối tượng dự án	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, có sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Xác định căn cứ kỹ thuật	10	Mô tả dự án đầy đủ, đúng trình tự ưu tiên	Mô tả đầy đủ các hạng mục quan trọng của dự án	Thiếu một số hạng mục/hoạt động quan trọng của dự án	Thiếu nhiều hạng mục/hoạt động quan trọng

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Xây dựng đề cương báo cáo	20	Liệt kê đầy đủ tác động môi trường, sử dụng chỉ số tác động môi trường phù hợp, nhận định đúng về tác động theo thứ tự ưu tiên	Liệt kê đầy đủ tác động môi trường, sử dụng chỉ số tác động môi trường phù hợp, nhận định đúng về tác động nhưng chưa theo thứ tự ưu tiên/không ưu tiên	Liệt kê thiếu một số tác động môi trường quan trọng, sử dụng được chỉ số tác động môi trường, có nhận định về tác động	Liệt kê thiếu tác động môi trường, gặp khó khăn trong sử dụng chỉ số tác động, chưa nhận định được về tác động
Sử dụng công cụ trong phân tích và xử lý thông tin	20	Sử dụng thành thực công cụ đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Sử dụng được công cụ đáp ứng khá tốt yêu cầu	Sử dụng được công cụ, có 1 số sai sót	Không biết/không sử dụng công cụ
Tổ chức và trình bày thông tin	10	Có tính logic và khoa học giúp cho việc nhận định rõ nét vấn đề	Có tính logic, khoa học đáp ứng khá tốt yêu cầu	Có tính logic, khoa học, nhưng còn một số sai sót nhỏ	Không logic, không khoa học
Thuyết trình báo cáo	10	Logic, quản lý thời gian phù hợp; phản biện tốt các câu hỏi và góp ý	Logic, quản lý thời gian phù hợp; có phản biện đối với các câu hỏi và góp ý	Logic hoặc quản lý thời gian còn hạn chế; không trả lời được một số câu hỏi quan trọng	Không khoa học, không trả lời được câu hỏi

Ghi chú: ¹ Mục này do sinh viên tự đánh giá

² Sinh viên thực hiện rà soát dự án, xây dựng đề cương và thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường cho một dự án đầu tư (giảng viên cung cấp thuyết minh/hồ sơ kinh tế-kỹ thuật của dự án)

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm không được tính điểm

Tham dự các bài tập/thực hành: Không nộp đủ các bài tập, thảo luận và thuyết trình theo nhóm không có điểm đánh giá học phần

Yêu cầu về đạo đức: Không có hành vi gian lận, sao chép trong làm bài tập nhóm, sản phẩm cá nhân. Sinh viên tự làm các bài tập/thảo luận.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Giáo trình/bài giảng

1. Trịnh Quang Huy, Nguyễn Đình Mạnh và Nguyễn Thị Thu Hà (2021). *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường*, NXB Học viện Nông nghiệp

* Các tài liệu khác

1. Quốc hội XIII (2014), *Luật bảo vệ môi trường 2014*, Luật số 55/2014/QH13.
2. Thủ tướng chính phủ (2019), *Quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường*, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), *Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường*, Thông tư 27/2015/BTNMT
4. Alexander P. Economopoulos – WHO (1993), *Assessment of sources of air, water and land pollution: A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies* (part 1 and 2)
5. Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thu Hà và cộng tác viên (2015), *Health risk associated with the potentially toxic cyanobacteria blooms in the lakes of Hanoi by biovolume method*, Tạp chí khoa học và công nghệ tập 53 (3A).
6. Tạ Thị Yến, Đinh Tiến Dũng, Nguyễn Thị Thu Hà (2018), *Đánh giá rủi ro của chì và cadimi tới sinh vật thủy sinh quy mô phòng thí nghiệm*, Tạp chí xây dựng Việt Nam (3.2018)
7. Trần Quốc Việt, Đinh Tiến Dũng, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Trường Sơn (2016), *Đánh giá sơ bộ rủi ro môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An*, Khoa học nông nghiệp Việt Nam tập 14 (12).

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD
1	Bài 1. Lược duyệt và Mô tả dự án	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Thảo luận nhóm: (1,5 tiết) • Xác định đặc điểm của dự án phát triển • Xác định các tiêu chí lược duyệt • Xác định nhu cầu và mức độ đánh giá tác động môi trường Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết) • Thực hiện lược duyệt cho 20 dạng dự án đầu tư • Xác định các tiêu chí chính của 01 dự án đầu tư	K1
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) • Ôn lại kiến thức về dự án phát triển • Ôn lại kiến thức về đánh giá tác động môi trường • Mô tả dự án đầu tư (theo hướng dẫn của Thông tư)	K7
2	Bài 2. Xác định đối tượng, phạm vi, mức độ tác động	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết) • Xác định hoạt động, tác động của dự án (1 giai đoạn) • Xác định phạm vi, mức độ và đối tượng chịu tác động (1 hoạt động)	K1
	Bài tập nhóm: (1,5 tiết) • Xác định phạm vi, mức độ và đối tượng tác động (toàn dự án)	

Tuần	Nội dung	KQHTMD
	Xác định tác động môi trường chính, đáng kể, không đáng kể	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) - Các phương pháp xác định phạm vi, mức độ và đối tượng tác động - Thực hiện rà soát tác động	K7
3	Bài 3. Thu thập thông tin cho đánh giá tác động môi trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết) - Xác định nhu cầu thông tin (nguồn dữ liệu, loại dữ liệu, phương pháp thu thập dữ liệu) - Vai trò của quan trắc môi trường nền Bài tập nhóm: (1,5 tiết) - Xây dựng chương trình quan trắc môi trường nền	K2, K3
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) - Các phương pháp thu thập thông tin - Đánh giá chất lượng của thông tin - Đánh giá chất lượng môi trường trước khi thực hiện dự án	K2, K7
4	Bài 4. Dự báo tác động môi trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết) - Phương pháp ước tính tải lượng thải (1 số nguồn đặc trưng) - Phương pháp dự báo các tác động không liên quan chất thải - Phương pháp lan truyền ô nhiễm môi trường (1 ví dụ) Bài tập nhóm: (1,5 tiết) - Ước tính tải lượng thải (tất cả các tác động liên quan chất thải của dự án) - Dự báo tác động môi trường (tất cả các tác động chính của dự án)	K4, K7
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) - Các phương pháp dự báo tác động môi trường - Ước tính tải lượng thải - Dự báo tác động môi trường - Xác định tác động nghiêm trọng, đáng kể	K4, K7
5	Bài 5. Đề xuất giải pháp quản lý môi trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết) - Ứng dụng phương pháp phân tích đa tiêu chí - Tham khảo các quy định hiện hành - Đề xuất giải pháp, kế hoạch giảm thiểu (1 tác động) Bài tập nhóm: (1,5 tiết)	K5, K6, K7

Tuần	Nội dung	KQHTMD
	- Xác định khả năng giảm thiểu tác động - Giải pháp giảm thiểu, kế hoạch quản lý môi trường (toàn dự án)	
	<i>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)</i> Xây dựng báo cáo tổng kết (theo thông tư hướng dẫn)	K6, K7
6	<i>Nộp và/hoặc trình bày báo cáo nhóm</i>	K6, K7

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: đáp ứng số lượng sinh viên/lớp
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết và Projector
- Các phương tiện khác: Giấy Ao, Phấn/Bút viết bảng
- E – learning

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 07/2018
- Lần 2: 07/2019
- Lần 2: 07/2020
- Lần 4: 07/2021

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. NGUYỄN NGỌC TÚ

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. TRỊNH QUANG HUY

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



TS. TRỊNH QUANG HUY

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần:

Họ và tên: Trịnh Quang Huy	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: tqhuy@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: ha170086@gmail.com	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tú	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: nguyenngoctu@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	